

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	340253	Cao Xuân Trường	3402	9	12	30	30	84	445	415	860	10.0
2	340224	Nguyễn Bá Cường	3402	5	16	10	12	45	200	180	380	
3	340230	Trần Thị Hoà	3402	5	18	12	12	34	230	115	345	
4	340757	Bùi Thị Thanh	3407	6	9	9	9	26	145	65	210	
5	340612	Trần Trí Dũng	3406					29		85	85	
6	352648	Lê Thị Khuyên	3526	10	30	29	21	81	495	400	895	10.0
7	350218	Phan Thị Bích	3502	10	24	25	28	79	480	390	870	10.0
8	351401	Phạm Thuỳ Ngân	3504	5	23	27	18	71	395	340	735	10.0
9	350817	Phùng Tuyết Chinh	3508	7	24	25	15	61	385	280	665	10.0
10	351167	Vũ Thị Hoa	3511	8	20	24	20	57	390	255	645	10.0
11	351320	Nguyễn Thị Bình	3513	7	21	16	17	57	320	255	575	10.0
12	350142	Nguyễn Hồng Thu	3501	6	13	13	15	71	230	340	570	9.5
13	351442	Đào Hoàng Oanh	3514	7	11	12	22	54	260	235	495	8.5
14	350328	Phí Đức Tài	3503	7	14	13	16	40	250	150	400	
15	351826	Lê Khánh Linh	3518	9	18	14	12	33	270	110	380	
16	350532	Nguyễn Thị Hiền	3505	7	12	9	12	45	185	180	365	
17	350415	Vũ Thị Thảo	3504	8	20	14	7	31	245	95	340	
18	352446	Dương Thị Kiều Oanh	3524	4	13	8	14	29	180	85	265	
19	350850	Đào Thu Huyền	3508	6	10	9	10	30	160	90	250	
20	351309	Nguyễn Thanh Hải	3513	3	10	12	14	22	180	40	220	
21	361161	Bùi Hoàng Anh	3611	9	29	23	27	84	485	415	900	10.0
22	360952	Trương Thuỷ Tiên	3609	4	12	23	29	96	365	490	855	10.0
23	361837	Phùng Ngọc Huyền	3618	10	22	23	23	72	425	350	775	10.0
24	360665	Lương Thế Vũ	3606	9	25	20	20	71	400	340	740	10.0
25	362368	Lương Thị Hà Phương	3623	9	24	24	25	63	450	290	740	10.0
26	361642	Trương Diệu Linh	3616	10	29	26	19	59	465	265	730	10.0
27	361640	Bùi Thị Phương	3616	10	19	22	14	72	345	350	695	10.0
28	360265	Lê Ngọc Hưng	3602	8	23	18	18	68	360	325	685	10.0
29	360646	Lê Đình Vượng	3606	7	19	17	19	71	325	340	665	10.0
30	360831	Nguyễn Thị Nhung	3608	8	12	29	30	53	430	230	660	10.0
31	361163	Tường Thanh Thảo	3611	10	21	18	12	71	320	340	660	10.0
32	360333	Đặng Thị Ngọc ánh	3603	8	24	22	14	63	365	290	655	10.0
33	360423	Trần Quang Thiện	3604	8	25	21	18	57	390	255	645	10.0
34	360839	Vũ Huyền Linh	3608	9	23	20	21	55	395	240	635	10.0
35	361169	Đoàn Ngọc Anh	3611	5	20	15	19	66	310	310	620	10.0
36	360362	Nguyễn Thị Lam Thuỷ	3603	8	22	23	16	53	370	230	600	10.0
37	360854	Trần Thị Thuý Nga	3608	8	24	18	19	52	370	225	595	10.0
38	362006	Bùi Thị Hương	3620	8	16	15	13	65	260	305	565	9.5
39	362050	Phạm Thị Tuyết Chinh	3620	6	20	14	13	62	270	285	555	9.5
40	361366	Lê Thuỳ Linh	3613	5	22	13	13	61	270	280	550	9.5
41	362203	Hoàng Hải Yến	3622	6	17	13	13	65	245	305	550	9.5
42	361323	Vũ Thị Thanh Huyền	3613	6	15	18	13	62	260	285	545	9.5
43	361843	Lê Thanh Sơn	3618	6	22	20	20	45	365	180	545	9.5
44	362067	Phan Thị Phương Hoa	3620	5	20	12	18	59	280	265	545	9.5
45	360566	Trần Thảo Thương	3605	8	16	16	7	64	230	300	530	9.0
46	361461	Nguyễn Khắc Tú	3614	6	21	17	14	53	300	230	530	9.0
47	360753	Lương Quỳnh Nga	3607	8	15	18	10	60	255	270	525	9.0
48	361165	Đào Thị Hồng Ngọc	3611	8	17	13	16	56	275	250	525	9.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	361838	Ngô Thị Hà	3618	7	16	7	14	65	210	305	515	9.0
50	361941	Phạm Thị Thanh Huệ	3619	5	20	16	13	55	275	240	515	9.0
51	361143	Hoàng Mĩ Linh	3611	5	15	13	14	59	230	265	495	8.5
52	361538	Nguyễn Thị Thu Trà	3615	8	21	17	16	43	325	170	495	8.5
53	362318	Trần Thị Thu Hồng	3623	6	28	21	14	36	370	125	495	8.5
54	362055	Phạm Thị Ngọc Chinh	3620	6	19	12	15	53	260	230	490	8.5
55	360959	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3609	7	17	11	17	52	260	225	485	8.5
56	361135	Lương Thụy Anh	3611	9	16	17	10	52	260	225	485	8.5
57	360218	Quách Huyền Thương	3602	6	19	13	16	48	275	200	475	8.5
58	361511	Võ Thị Như Quỳnh	3615	5	24	17	16	40	325	150	475	8.5
59	362452	Vũ Hoàng Ngọc Anh	3624	4	16	19	15	48	275	200	475	8.5
60	362058	Nguyễn Thị Kim Ngân	3620	7	15	20	15	44	295	175	470	8.0
61	361626	Trần Thị Thu Cúc	3616	7	18	17	14	44	290	175	465	8.0
62	362062	Nguyễn Thị Tươi	3620	7	20	17	9	46	270	190	460	8.0
63	362459	Nguyễn Thị Thuý Hào	3624	4	20	17	11	48	260	200	460	8.0
64	361037	Đào Duy Tùng	3610	7	17	17	14	44	280	175	455	8.0
65	361952	Đàm Thị Minh Thúy	3619	6	18	8	19	48	255	200	455	8.0
66	360217	Nông Thuý Trang	3602	8	17	13	12	48	250	200	450	8.0
67	360568	Vũ Quỳnh Trang	3605	6	18	18	14	41	290	160	450	8.0
68	361162	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	3611	4	14	12	12	57	195	255	450	8.0
69	361526	Phạm Thị Quỳnh Trang	3615	8	19	13	14	44	275	175	450	8.0
70	360619	Ninh Khánh Ly	3606	7	21	11	11	47	250	195	445	
71	360748	Phạm Thị Diễm	3607	6	19	19	21	32	345	100	445	
72	360828	Nguyễn Hữu Khánh	3608	7	19	14	20	37	315	130	445	
73	361047	Nguyễn Phương Thúy	3610	5	8	18	10	57	190	255	445	
74	362246	Nguyễn Thị Bình	3622	7	10	20	12	48	245	200	445	
75	362439	Phan Thị Lý	3624	7	13	9	23	45	260	180	440	
76	360437	Bùi Thị Vân Anh	3604	7	9	15	13	52	210	225	435	
77	360553	Đỗ Thị Thanh Tuyết	3605	8	17	10	13	47	240	195	435	
78	360842	Phạm Hoàng Minh	3608	6	14	9	19	46	240	190	430	
79	360338	Nguyễn Thị Mai Hương	3603	7	20	15	11	40	270	150	420	
80	360618	Triệu Phương Thảo	3606	8	19	11	17	38	280	140	420	
81	361839	Dương Minh Nghĩa	3618	6	21	14	15	37	290	130	420	
82	360956	Nguyễn Thị Thuý	3609	8	14	13	14	43	245	170	415	
83	360458	Lê Thị Thu Hằng	3604	8	10	8	9	56	160	250	410	
84	360852	Bùi Thị Tú Anh	3608	6	13	10	13	50	195	215	410	
85	361509	Nguyễn Thị Hiền	3615	6	14	14	26	31	315	95	410	
86	362255	Lê Thị Thanh Tâm	3622	8	18	20	13	31	310	95	405	
87	361648	Nguyễn Thị Huyền Trang	3616	8	19	10	13	40	250	150	400	
88	361756	Vũ Thị Liệu	3617	7	16	12	9	46	210	190	400	
89	362316	Nguyễn Kim Thoa	3623	6	18	13	13	40	250	150	400	
90	360630	Nguyễn Thị Kiều Oanh	3606	5	20	15	17	32	295	100	395	
91	362031	Nguyễn Thị Dung	3620	7	12	9	18	44	220	175	395	
92	362049	Nguyễn Thị Thu Hương	3620	6	15	17	13	38	255	140	395	
93	361610	Nguyễn Thị Huệ	3616	3	9	19	13	45	210	180	390	
94	361765	Lê Hoàng Nhật Anh	3617	7	20	20	8	33	280	110	390	
95	362034	Nguyễn Thị Thu Hằng	3620	4	9	12	10	53	160	230	390	
96	361059	Nguyễn Thu Thuý	3610	6	16	14	13	38	245	140	385	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	361202	hoàng khánh linh	3612	4	12	13	9	49	175	210	385	
98	361544	Đàm Thuý Thương	3615	2	11	12	11	50	165	215	380	
99	361723	Trần Thị Phương Thuý	3617	4	13	15	9	46	190	190	380	
100	362426	Trần Thị Thuý Vân	3624	7	10	13	15	42	215	165	380	
101	361612	Nguyễn Thị Ngọc Anh	3616	1	12	12	11	49	165	210	375	
102	361831	Nguyễn Thị Thuận	3618	2	10	12	11	50	160	215	375	
103	360766	Nguyễn Thanh Tùng	3607	9	15	11	14	36	245	125	370	
104	361757	Nguyễn Thu Lan	3617	4	15	14	10	43	200	170	370	
105	361834	Lê Thị Hương Nhự	3618	5	17	10	11	42	200	165	365	
106	361524	Võ Thị Hương Quỳnh	3615	2	20	8	13	41	200	160	360	
107	361927	Phạm Bảo Yến	3619	5	9	16	12	42	195	165	360	
108	360519	Nguyễn Thu Hương	3605	4	15	11	14	39	210	145	355	
109	360556	Vũ Thị Thanh Hoà	3605	7	16	12	12	36	230	125	355	
110	361426	Bùi Thị Huế	3614	5	15	14	8	41	195	160	355	
111	361942	Nguyễn Thị Thuý Giang	3619	7	12	18	12	33	245	110	355	
112	361956	Nguyễn Thị Quyên	3619	8	19	16	9	31	260	95	355	
113	360613	Mạc Thị Dung	3606	3	12	9	14	44	175	175	350	
114	360924	Nguyễn Quỳnh Mai	3609	5	18	12	16	31	255	95	350	
115	360926	Trần Hà Thu	3609	3	13	13	8	45	170	180	350	
116	360163	Lưu Thị Dung	3601	6	12	12	15	37	215	130	345	
117	360562	Nguyễn Thị Hải Hà	3605	5	17	15	9	36	220	125	345	
118	361027	Nguyễn Thị Quỳnh Đông	3610	7	14	9	12	40	195	150	345	
119	361446	Phan Trung Hiếu	3614	8	14	10	6	43	175	170	345	
120	361637	Nguyễn Thị Yến	3616	2	18	8	9	44	170	175	345	
121	362457	Cao Thu Hằng	3624	5	8	13	11	42	170	165	335	
122	360953	Phạm Hồng Nhung	3609	6	11	16	10	37	200	130	330	
123	361338	Nguyễn Thị Phương	3613	2	17	7	13	40	180	150	330	
124	362028	Phạm Thu Thuỷ	3620	7	20	12	7	33	220	110	330	
125	361349	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	3613	4	13	12	10	39	180	145	325	
126	361862	Phạm Việt Anh	3618	6	11	13	12	37	195	130	325	
127	361149	Nguyễn Thị Thắm	3619	5	10	10	15	38	185	140	325	
128	360563	Nguyễn Thiện Phúc	3605	6	13	7	13	38	180	140	320	
129	361443	Bùi Văn Hiến	3614	8	16	16	10	26	250	65	315	
130	361139	Nguyễn Thị Hải Yến	3611	4	13	14	7	37	175	130	305	
131	361627	Trịnh Lê Nhung	3616	7	12	9	10	36	175	125	300	
132	362051	Phạm Thị Hồng	3620	8	19	8	10	28	215	80	295	
133	360340	Phan Thành Trung	3603	6	13	7	7	39	145	145	290	
134	361938	Nguyễn Thị Thu Hà	3619	5	11	9	12	35	170	120	290	
135	361944	Phùng Thị Hoa	3619	4	10	13	9	36	165	125	290	
136	362124	Lương Thu Hà	3621	3	15	9	9	36	165	125	290	
137	362346	Nguyễn Minh Phương	3623		10	7	9	45	110	180	290	
138	361709	Nguyễn Thị Lan	3617	3	10	11	13	34	170	115	285	
139	361038	Nguyễn Đặng Thanh Thuỷ	3610	7	12	12	6	33	170	110	280	
140	362065	Đỗ Thị Soạn	3620	4	15	9	9	32	170	100	270	
141	360744	Nguyễn Huy Tuyển	3607	3	12	7	11	35	145	120	265	
142	360509	Nghiều Văn Đại	3605	3	8	15	12	28	175	80	255	
143	360902	Đặng Thị Thanh Vân	3609	2	11	8	10	35	135	120	255	
144	360957	Trần Thị Thanh Trang	3609	2	12	11	9	32	150	100	250	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	360949	Bùi Phương Anh	3609	4	11	12	9	28	165	80	245	
146	361126	Ngô Thị Vân Anh	3611	3	11	12	9	28	160	80	240	
147	361832	Nguyễn Phương Loan	3618	6	10	12	14	22	195	40	235	
148	361833	Lê Thị Hà Linh	3618	3	12	8	9	31	140	95	235	
149	360269	Nguyễn Hoài Nam	3602	2	20	4	5	31	135	95	230	
150	361067	Nguyễn Văn Quyết	3610	4	13			43	60	170	230	
151	360962	Hoàng Hải An	3609	6	8	17	15	15	220	5	225	
152	361434	Nguyễn Quý Võ	3614	4	11	6	10	27	135	70	205	
153	360470	Đào Thị Hồng ánh	3604	4	14	12	13		200		200	
154	362057	Hà Quang Lộc	3620	1	10	6	13	27	130	70	200	
155	362313	Lê Thị Lý	3623	4	9	8	9	24	130	50	180	
156	360635	Nguyễn Thị Huế	3606									
157	361049	Phạm Thị Quỳnh	3610									
158	362170	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	3621									
159	381739	Hồ Thị Mỹ Dung	3817									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU